

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/DS-ST

Ngày: 22-5-2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích Chi

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/- Ông Nguyễn Trường Sơn
2/- Ông Lê Văn Cao

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Văn Giữ, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Chí Thiện, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: số B, đường C, phường D, Quận Đ, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: bà Trương Thị E, Chuyên viên kinh doanh thẻ A - Chi nhánh Trà Vinh. Theo văn bản ủy số 14/2019/GUQ-CNTV ngày 22/01/2019.

Địa chỉ: Số F, đường G, khóm Đ, phường H, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Bà Kim Hoàng K, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khóm 5, phường D, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A là bà Trương Thị E có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Kim Hoàng K vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/12/2018, lời khai phía nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Trương Thị E trình bày:

Ngày 18/8/2016, bà Kim Hoàng K ký với Ngân hàng TMCP A hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập bà K, ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 14.939.400 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay, bà K đã thanh Toán được 12.813.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà K vẫn không có thiện chí trả nợ. Nay Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu bà Kim Hoàng K trả lại tổng số tiền còn nợ là 12.776.282 đồng, trong đó nợ gốc là 10.313.910 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh tính đến ngày 09/4/2019 là 2.462.372 đồng. Số tiền lãi tính đến ngày 22/5/2019 là 3.016.728 đồng.

- Bị đơn bà Kim Hoàng K vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Kim Hoàng K trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền 13.330.638 (mười ba triệu ba trăm ba mươi nghìn sáu trăm ba mươi tám) đồng, trong đó nợ gốc là 10.313.910 (mười triệu ba trăm mười ba nghìn chín trăm mười) đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 22/5/2019 là 3.016.728 (ba triệu không trăm mười sáu nghìn bảy trăm hai mươi tám) đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi bà K trả hết số tiền còn nợ.

Bị đơn bà Kim Hoàng K vắng mặt nên không có lời trình bày.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2005. Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A. Buộc bị đơn bà Kim Hoàng K phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 13.330.638 (mười ba triệu ba trăm ba mươi nghìn sáu trăm ba mươi tám) đồng, trong đó nợ gốc là 10.313.910 (mười triệu ba trăm mười ba nghìn chín trăm mười) đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 22/5/2019 là 3.016.728 (ba triệu không trăm mười sáu nghìn bảy trăm hai mươi tám) đồng. Buộc bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Kim Hoàng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bị đơn bà Kim Hoàng K ký kết hợp đồng sử dụng thẻ, một loại hợp đồng tín dụng, vào ngày 18/8/2016 với Ngân hàng TMCP A là có thật, được phía nguyên đơn cung cấp đầy đủ cho Tòa án. Quá trình sử dụng thẻ, bà K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 14.939.400 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay, bà K đã thanh Toán được 12.813.000 đồng cho ngân hàng. Sau đó bà K không thực hiện thanh toán tiền cho ngân hàng nữa. Tính đến ngày 22/5/2019, tổng số tiền bà K còn nợ Ngân hàng TMCP A là 13.330.638 (mười ba triệu ba trăm ba mươi nghìn sáu trăm ba mươi tám) đồng, trong đó nợ gốc là 10.313.910 (mười triệu ba trăm mười ba nghìn chín trăm mười) đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 22/5/2019 là 3.016.728 (ba triệu không trăm mười sáu nghìn bảy trăm hai mươi tám) đồng.

Việc bị đơn không có mặt tại phiên tòa cũng thể hiện bị đơn đã từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A yêu cầu bà Kim Hoàng K trả lại tổng số tiền còn nợ là 13.330.638 (mười ba triệu ba trăm ba mươi nghìn sáu trăm ba mươi tám) đồng, trong đó nợ gốc là 10.313.910 (mười triệu ba trăm mười ba nghìn chín trăm mười) đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 22/5/2019 là 3.016.728 (ba triệu không trăm mười sáu nghìn bảy trăm hai mươi tám) đồng, buộc bị đơn bà Kim Hoàng K phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ nêu trên.

[3] Về án phí: Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 280, 463; 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

Buộc bị đơn bà Kim Hoàng K trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền 13.330.638 (mười ba triệu ba trăm ba mươi nghìn sáu trăm ba mươi tám) đồng, trong đó nợ gốc là 10.313.910 (mười triệu ba trăm mười ba nghìn chín trăm mười) đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 22/5/2019 là 3.016.728 (ba triệu không trăm mười sáu nghìn bảy trăm hai mươi tám) đồng.

Kể từ ngày 23/5/2019 thì bà Kim Hoàng K phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã theo thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà K phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP A cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP A.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Kim Hoàng K phải nộp 667.000 (sáu trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP A không phải nộp án phí sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000955 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo đương sự vắng mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú để Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TTV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Bích Chi